

Unit 2-Term 1-Grade 4

Week 1

Listen and order the pictures according to what you hear.



录音文本

- | | |
|--------------|--------------|
| 1 桌子。教室里有桌子。 | 2 书包。教室里有书包。 |
| 3 课本。教室里有课本。 | 4 椅子。教室里有椅子。 |

Week 2

Choose the correct answers according to the pictures.



shū bāo

A 书包

guì zi

B 柜子



bái bǎn

A 白板

hēi bǎn

B 黑板



diàn nǎo

A 电脑

jiào shì

B 教室



zhuō zi

A 桌子

yǐ zi

B 椅子

Week 3

1. Match the pictures to the corresponding words.



tài yáng
太阳



yuè liàng
月亮



xīng xīng
星星



yún
云



shàng
上



xià
下

2. Arrange the words to form four sentences.

shàng	tiān	tài yáng	yǒu
1 上	2 天	3 太阳	4 有

() () () ()

yǐ zi	lǐ	yǒu	jiào shì
1 椅子	2 里	3 有	4 教室

() () () ()

yǒu	zhuō zi	xià	qiān bǐ
1 有	2 桌子	3 下	4 铅笔

() () () ()

lǐ	yǒu	shén me	guì zi
1 里	2 有	3 什么	4 柜子

() () () ()

Week 4

Write or complete the Chinese characters by adding the missing strokes.

